

## Phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam

### Promoting scientific research at universities in Vietnam

Cao Thanh Phước<sup>1</sup>, Phan Quốc Cường<sup>2</sup>, Lê Văn Cường<sup>3</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Văn hóa, Tp. Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Trường Đại học Giao thông vận tải Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh

<sup>3</sup>Trường Đại học Bình Dương, Bình Dương

Tác giả liên hệ: Phan Quốc Cường. Email: cuong.phan@ut.edu.vn

**Tóm tắt:** Hoạt động nghiên cứu khoa học có vai trò quan trọng trong việc góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường đại học là nơi đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học đồng thời là cơ sở nghiên cứu khoa học. Hoạt động nghiên cứu khoa học của trường đại học trực tiếp tham gia vào quá trình nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo của nhà trường. Bài viết phân tích thuận lợi, khó khăn trong thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, xác định nguyên nhân và đề xuất các giải pháp phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam.

**Từ khóa:** *Đại học; Giảng viên; Học viên; Nghiên cứu khoa học; Sinh viên; Việt Nam*

**Abstract:** Scientific research plays an important role in contributing to the improvement of the training quality and creating high-quality human resources for meeting social needs. The university is a place for training and fostering human resources at undergraduate and graduate levels, and is also a scientific research facility. The university's scientific research is obviously part of the process of improving the quality of education and training. This article aims to analyze the advantages and disadvantages of the practical scientific research at several universities in Vietnam nowadays, and thus determining the causes and proposing several solutions for promoting activities as such at universities in Vietnam in general.

**Keywords:** *Lecturers; Scientific research; Students; University; Vietnam*

### 1. Giới thiệu

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang đặt ra không chỉ thời cơ mà cả những thách thức cho nền giáo dục nói chung, đặc biệt là giáo dục đại học trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, giáo dục đại

học đều đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nguồn tri thức mới cho sự phát triển của xã hội, là nền tảng bền vững cho sự phát triển của mọi quốc gia. Có thể khẳng định rằng một xã hội văn minh không thể thiếu một nền giáo dục đại học tiên tiến, tạo ra những con người

giàu sức sáng tạo.

Giáo dục đại học là quá trình truyền thụ kiến thức, trong đó sự tham gia của đối tượng được truyền thụ có vai trò rất quan trọng. Và cùng với học trò, người thầy một lần nữa tiếp thu những kiến thức mà chính mình đang truyền thụ, nhìn nhận chúng qua những lăng kính của người học. Có thể nói, đó là quá trình truyền thụ - tiếp thu kiến thức một cách chủ động và sáng tạo. Chính vì vậy, giảng viên đại học không thể không gắn công việc giảng dạy với nghiên cứu khoa học. Lịch sử nhân loại đã cho thấy, tuyệt đại đa số các phát minh khoa học đã được thực hiện trong các phòng thí nghiệm của trường đại học và hầu như không một nhà khoa học lớn nào lại không phải là giáo sư đại học. Bên cạnh đó; sinh viên, học viên trong trường đại học vừa là người học, vừa là người nghiên cứu khoa học ở các cấp độ khác nhau. Đó là truyền thống hàng trăm năm của trường đại học và hiện nay vẫn tỏ ra hợp lý và có hiệu quả.

Qua nhiều năm đổi mới, giáo dục đại học Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Quy mô đào tạo đại học tăng nhanh với việc mở rộng mạng lưới các trường, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Đội ngũ giảng viên có sự phát triển nhanh chóng về số lượng và chất lượng; điều kiện dạy - học và nghiên cứu khoa học ở các trường đại học đã có nhiều cải thiện đáng kể. Trong quá trình phát triển đó, Đảng và Nhà nước ta đã có sự quan

tâm, chú trọng đặc biệt đến hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ sở giáo dục đại học, cụ thể qua các văn bản sau đây:

**Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII)** về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000 đã có quan điểm chỉ đạo khoa học và công nghệ phải gắn với giáo dục - đào tạo: *“Cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải bằng và dựa vào khoa học và công nghệ. Đảng và Nhà nước có chính sách đầu tư khuyến khích, hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ”* [1].

**Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (năm 2001)** đã chỉ rõ: *“Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức khoa học, các trường đại học, các doanh nghiệp thuộc mỗi thành phần kinh tế và cá nhân được tổ chức các hoạt động nghiên cứu, triển khai, được đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, quyền công bố, trao đổi, chuyển giao, chuyển nhượng kết quả nghiên cứu theo quy định của luật pháp”* [2].

**Điều lệ trường đại học** ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính

phủ cũng đề cập đến một trong các nhiệm vụ của trường đại học trong hoạt động khoa học và công nghệ là “*Xây dựng các nhóm nghiên cứu đa ngành, liên ngành; xây dựng các nhóm nghiên cứu - giảng dạy kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo; đảm bảo các điều kiện cần thiết để giảng viên thực hiện nghiên cứu khoa học; tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học cho người học*”. [3] (Điều 40, Hoạt động của trường đại học).

**Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X** tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (họp từ ngày 12 đến 19/1/2011) đã đúc kết: “*Phát triển mạnh khoa học, công nghệ làm động lực đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế tri thức; góp phần tăng nhanh năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước; nâng tỉ lệ đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp vào tăng trưởng. Thực hiện đồng bộ ba nhiệm vụ chủ yếu: nâng cao năng lực khoa học, công nghệ; đổi mới cơ chế quản lý; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng*” [4].

Ngày 19/11/2018, Quốc hội ban hành **Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14**. Trong đó, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học trong hoạt động khoa học và công nghệ

là: “*Xây dựng, thực hiện chiến lược và kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; Nghiên cứu khoa học và công nghệ để phục vụ và nâng cao chất lượng đào tạo; Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới, góp phần phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với năng lực khoa học, công nghệ của nhà trường; ...*” [5].

Điều 4 **Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13** do Quốc hội ban hành ngày 18/6/2013 đã xác định nhiệm vụ đầu tiên của hoạt động khoa học và công nghệ là “*Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam; xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối, chính sách, pháp luật về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; góp phần xây dựng nền giáo dục tiên tiến, xây dựng con người mới Việt Nam; kế thừa và phát huy giá trị truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và đóng góp vào kho tàng văn hoá, khoa học của thế giới*” [6].

**Luật Giáo dục số 43/2019/QH14** được Quốc hội ban hành ngày 14/6/2019 đã khẳng định: “*Hoạt động khoa học và công nghệ là một nhiệm vụ của cơ sở giáo dục*”, “*Nhà nước tạo điều kiện cho cơ sở giáo dục hoạt động khoa học và công nghệ, kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;*

*xây dựng cơ sở giáo dục thành trung tâm văn hóa, khoa học và công nghệ của địa phương hoặc của cả nước”, “Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục” [7] (Chương 1, Điều 19).*

Những văn bản pháp quy nêu trên đã khẳng định vai trò to lớn của hoạt động nghiên cứu khoa học trong giáo dục - đào tạo và trong sự phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt trong môi trường đại học thì việc giảng viên và sinh viên, học viên tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần thiết để hướng đến nâng cao chất lượng đào tạo, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

Do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, học viên trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay chưa đạt hiệu quả cao. Để giải quyết vấn đề này; cần tìm hiểu, phân tích thuận lợi và khó khăn trong hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường đại học và xác định được các nguyên nhân cơ bản. Từ đó, có thể đề xuất một hệ thống các giải pháp phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam.

## **2. Thuận lợi và khó khăn trong hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường đại học ở Việt Nam**

### **2.1. Thuận lợi**

- Các giảng viên giảng dạy lâu năm sau quá trình tự bồi dưỡng, tự nghiên cứu đã có bề dày kinh nghiệm và có nhiều công trình nghiên cứu khoa học có giá trị. Các giảng viên trẻ năng động, thông minh, ham học hỏi và sớm có bằng cấp cao.

- Có cơ chế khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trong quy định của Bộ bằng cách cộng điểm thưởng, cộng điểm rèn luyện cho sinh viên.

- Học phần “*Phương pháp nghiên cứu khoa học*” đã được chú trọng ở tất cả các bậc đào tạo, giúp sinh viên, học viên hiểu được các vấn đề cơ bản và cụ thể trong quá trình nghiên cứu khoa học.

### **2.2. Khó khăn**

- Các ngành / chuyên ngành đào tạo mới còn thiếu đội ngũ giảng viên đầu ngành và các chuyên gia (cả cơ hữu lẫn thỉnh giảng); thiếu tài liệu giảng dạy, tham khảo.

- Số lượng giảng viên cơ hữu ít. Do phải hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy nên giảng viên thiếu thời gian tập trung cho nghiên cứu. Nhiều giảng viên chưa có kinh nghiệm dạy học, chưa qua các lớp tập huấn về phương pháp sư phạm và thiếu kinh nghiệm trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Kinh phí nghiên cứu khoa học còn ít, thủ tục hành chính còn nhiều khó khăn trong thanh toán, quyết toán thu

chi của đề tài, dự án.

- Ngoài những dự án có sự hỗ trợ của doanh nghiệp; sinh viên và học viên khó có cơ hội tiếp xúc và thâm nhập vào các cơ quan, đơn vị khác để nghiên cứu thực tế, thu thập số liệu.

- Chưa có cơ chế chuyển giao, ứng dụng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên vào thực tiễn. Kết quả của các đề tài nghiên cứu do sinh viên, học viên thực hiện chưa / ít được triển khai, ứng dụng trong thực tế đã tạo nên rào cản tâm lý; các đề tài này thường không có tính kế thừa và không có sự giao nhận khi sinh viên, học viên tốt nghiệp ra trường.

- Học phần “*Phương pháp nghiên cứu khoa học*” tuy đã được đưa vào chương trình học tập của sinh viên, học viên nhưng thời lượng còn ít; sinh viên và học viên cũng không có điều kiện để vận dụng kiến thức của học phần này vào thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học.

- Sinh viên, học viên thiếu điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học. Hơn nữa, hiện nay vẫn chưa có chính sách động viên, khuyến khích các giảng viên, các nhà khoa học đóng góp tích cực cho hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và học viên.

### **2.3. Xác định nguyên nhân**

Có thể thấy các nguyên nhân dẫn đến giảm sút chất lượng nghiên cứu khoa học của các trường đại học ở Việt Nam

gồm 4 nhóm nguyên nhân chủ yếu: cơ chế và công tác quản lý, người nghiên cứu khoa học, kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

#### **- Cơ chế và công tác quản lý**

+ Cơ chế quản lý nghiên cứu khoa học mặc dù có đổi mới, song còn thiếu đồng bộ và kém hiệu quả, nhiều khi cứng nhắc và không phù hợp với thực tế.

+ Việc liên kết nghiên cứu khoa học với đào tạo chưa chặt chẽ. Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa thực sự gắn với nhu cầu và hoạt động của các ngành kinh tế - xã hội.

+ Quy trình đăng ký, tuyển chọn, xét duyệt, cấp kinh phí, đánh giá đề tài nghiên cứu khoa học chưa được phổ biến rộng rãi để sinh viên, học viên nắm rõ. Do đó nhiều sinh viên và học viên rất muốn tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học nhưng lại không biết phải bắt đầu từ đâu và phải làm những gì.

+ Thủ tục hành chính trong thanh toán, quyết toán còn khó khăn, mất nhiều thời gian.

#### **- Người nghiên cứu khoa học**

+ Nhiều giảng viên chưa tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Do đảm nhận số giờ giảng dạy hàng năm rất lớn để đáp ứng sự phát triển về quy mô đào tạo nên họ không còn thời gian để bồi dưỡng sức khỏe, trình độ và năng lực mọi mặt. Tri thức của giảng viên không được bổ sung, nâng cao, phát triển nên

có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

+ Công việc xã hội, đoàn thể và các hoạt động thể thao, giải trí, du lịch cũng chi phối nhiều đến thời gian nghiên cứu, học hành. Nhiều giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chỉ mang tính chất đối phó hoặc do các áp lực khác, chứ chưa phải là để giải quyết những vấn đề của nhà trường, của xã hội, của thực tiễn.

+ Năng lực và trình độ chuyên môn còn hạn chế, thiếu năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn, chưa cập nhật được thông tin chuyên ngành trong nước và thế giới.

+ Hạn chế về ngoại ngữ, tin học của giảng viên, sinh viên và học viên.

+ Sinh viên, học viên không / ít tham gia nghiên cứu khoa học do chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng và lợi ích của hoạt động nghiên cứu khoa học. Việc triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên, học viên về hoạt động nghiên cứu khoa học và thúc đẩy sự đam mê nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên chưa được nhà trường và các khoa chuyên môn quan tâm thực hiện.

#### **- Kinh phí hoạt động nghiên cứu khoa học**

+ Kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học còn hạn hẹp. Việc không có (hoặc ít) vốn nghiên cứu khoa học còn dẫn đến việc không thể trang bị các máy móc

hiện đại và các nguồn tài liệu, các cơ sở dữ liệu trong và ngoài nước để khai thác, sử dụng.

+ Việc phân phối kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học đôi khi còn dàn trải nên làm cho kinh phí bị xé lẻ, không thể tập trung để giải quyết được các vấn đề lớn. Các trường cũng chưa mạnh dạn đầu tư kinh phí từ nguồn kinh phí tự có cho hoạt động nghiên cứu khoa học.

#### **- Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học**

+ Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học còn thiếu thốn. Nguồn tài nguyên thông tin trong Trung tâm Thông tin - Thư viện của các trường thường thiếu và yếu, lại đơn điệu về nội dung và loại hình nên không đủ điều kiện và cũng không tạo được sự hứng thú của giảng viên, sinh viên và học viên khi đến sử dụng nhằm phục vụ mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

+ Đường truyền Internet tốc độ chậm và không ổn định.

### **3. Các giải pháp phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam**

Người viết đã xác định có 4 nhóm nguyên nhân chủ yếu dẫn đến giảm sút chất lượng nghiên cứu khoa học gồm: cơ chế và công tác quản lý, người thực hiện nghiên cứu, kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học. Vì

vậy, sẽ đề xuất 4 nhóm giải pháp tương ứng về các vấn đề trên nhằm phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học của các trường đại học ở Việt Nam trong thời gian tới.

### **3.1. ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

- Các trường đại học cần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi và động lực để giảng viên, sinh viên, học viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học. Nhà trường có thể mạnh dạn giao khoán sản phẩm đề tài (cấp Trường, Khoa), nghiệm thu sản phẩm đề tài là tiêu chuẩn cơ bản đánh giá hiệu quả của quá trình nghiên cứu.

- Giảng dạy và nghiên cứu khoa học là hai nhiệm vụ không thể tách rời; nghiên cứu khoa học là một hoạt động mang tính tự nguyện, là niềm đam mê của mỗi cá nhân. Tuy nhiên bên cạnh việc khuyến khích tính tự nguyện, tự giác của giảng viên; các trường cần phải xây dựng quy chế cụ thể về việc giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học. Cụ thể mỗi giảng viên phải thực hiện hai nhiệm vụ song song là giảng dạy và nghiên cứu khoa học, thậm chí phải có quy định bắt buộc như có tham gia nghiên cứu khoa học thì mới được giảng dạy.

- Nhà trường giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho đơn vị cấp khoa / bộ môn, tạo sức mạnh tập thể trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt là tập hợp đội

ngũ các nhà khoa học đầu đàn tham gia và chủ trì trong các chương trình, các đề tài có tầm vóc lớn.

- Gắn chặt nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học. Đề tài của nghiên cứu sinh và học viên cao học phải gắn liền với nghiên cứu khoa học, tạo điều kiện cho nghiên cứu sinh và học viên cao học có đề tài nghiên cứu đúng với hướng đề tài luận án / luận văn của họ.

- Hàng năm giảng viên phải có tối thiểu một bài viết nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học trong / ngoài nước và gắn với các tiêu chuẩn thi đua, khen thưởng.

- Cần có chế độ khuyến khích và ràng buộc hợp lý để tạo động lực cho giảng viên tự nguyện và tích cực tham gia nghiên cứu khoa học theo nguồn kinh phí các cấp hàng năm. Các đối tượng tham gia được phân loại thực hiện như sau:

- Đề tài cấp trường: ưu tiên cho giảng viên trẻ, sinh viên nghiên cứu khoa học chủ trì. Cấp đề tài này người chủ trì không cần có học hàm, học vị cao.

- Đề tài cấp bộ và địa phương: chủ nhiệm đã kinh nghiệm và được nghiệm thu đề tài cấp trường, có kinh nghiệm giảng dạy và đăng được 5 bài báo khoa học trở lên.

- Đề tài cấp nhà nước: chủ nhiệm đã kinh qua và nghiệm thu đề tài cấp bộ hay cấp địa phương. Đã đăng được ít nhất 10 bài báo nghiên cứu khoa học trở lên.

- Nhà trường cần tạo động lực khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học bằng cách nâng cao mức thưởng cho sinh viên thông qua các hình thức: điểm thưởng học tập, điểm thưởng rèn luyện và vật chất.

### **3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ tham gia nghiên cứu khoa học**

- Nhà trường có chế độ, chính sách phù hợp giải tỏa giờ dạy của giảng viên để họ có thời gian đầu tư vào nghiên cứu khoa học, nâng cao kiến thức.

- Tăng cường khả năng nghiên cứu khoa học cho giảng viên trẻ bằng cách khuyến khích và bắt buộc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học do các giảng viên đầu đàn chủ trì, tham dự các lớp tập huấn về phương pháp nghiên cứu khoa học.

- Nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ và khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại của cả giảng viên và sinh viên, học viên.

- Nâng cao nhận thức về hoạt động nghiên cứu khoa học cho sinh viên và học viên bằng các biện pháp sau:

+ Làm tốt công tác tuyên truyền bằng các hoạt động hỗ trợ học tập như: tổ chức các buổi báo cáo khoa học, trao đổi kinh nghiệm học tập, kinh nghiệm nghiên cứu khoa học. Các buổi báo cáo, sinh hoạt chuyên đề phải thực sự hấp dẫn sinh viên, học viên và tiếp cận với công tác nghiên cứu khoa học, đưa ra được nhiều ý tưởng để sinh viên và học

viên biết tư duy, giải quyết một vấn đề dưới lăng kính nghiên cứu khoa học.

+ Các khoa chuyên môn cần có sự kết hợp / phối hợp chặt chẽ với phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế, Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên... trong nhà trường để tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về hoạt động nghiên cứu khoa học, tạo nền tảng cho chất lượng công trình nghiên cứu khoa học do sinh viên, học viên thực hiện.

+ Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ sinh viên và học viên nghiên cứu khoa học như: hướng dẫn truy cập thông tin, các hội thi nghề nghiệp, thành lập các nhóm học thuật, câu lạc bộ nghiên cứu khoa học,... Qua đó rèn luyện tính chủ động, tìm tòi, sáng tạo cho sinh viên và học viên trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

+ Nhà trường nên phát động phong trào thi đua sáng tạo, tổ chức các cuộc thi nghiên cứu khoa học chuyên nghiệp và quy mô lớn. Kịp thời động viên tinh thần các tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác nghiên cứu khoa học, tạo sức lan tỏa rộng trong Nhà trường.

- Tranh thủ sự hỗ trợ đắc lực của giảng viên trẻ trong việc cố vấn và tham gia các hoạt động học thuật, hướng dẫn sinh viên, học viên thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của sinh viên, học



viên.

- Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, học viên được tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học công nghệ, câu lạc bộ khoa học sinh viên, các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của sinh viên, học viên.

### **3.3. Tăng cường kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học**

- Nhà trường nâng cao mức hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

- Vận động các doanh nghiệp, công ty tài trợ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với thực tiễn tại doanh nghiệp. Muốn làm tốt công tác này, ban lãnh đạo các khoa chuyên môn phải tăng cường các mối quan hệ với doanh nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo.

- Tăng cường mối quan hệ, nắm bắt nhu cầu của các địa phương để vận động, khai thác nguồn kinh phí phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

- Củng cố và mở rộng hợp tác quốc gia / quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu để có dự án hợp tác nhằm tăng cường năng lực nghiên cứu.

### **3.4. Đầu tư cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu khoa học**

- Đề xuất Trung tâm Thông tin - Thư viện của các trường thường xuyên bổ

sung tài liệu mới, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu tin của giảng viên và sinh viên, học viên dưới mọi hình thức: tài liệu dạng in, mạng thông tin, tóm tắt, thông báo nhanh.

- Vận động giảng viên đóng góp tài liệu ngành / chuyên ngành vào tủ sách Khoa để các giảng viên khác và sinh viên, học viên có nguồn tài liệu tham khảo đầy đủ, phong phú.

- Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất tốt, mạnh để phục vụ cho nghiên cứu khoa học như: Trung tâm Thông tin - Thư viện, phòng Internet.

## **4. Kết luận**

Trong nền kinh tế tri thức, hoạt động nghiên cứu khoa học là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ cho đất nước và cũng là yếu tố cơ bản quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt trong môi trường đại học thì nghiên cứu khoa học là một hoạt động vô cùng quan trọng cùng với hoạt động đào tạo.

Hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường đại học có mối liên kết hữu cơ, mật thiết với nhau; trong đó nghiên cứu khoa học là động lực chủ yếu để nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học; đội ngũ giảng viên có điều kiện tự học, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức để khẳng định năng lực tổ

chức và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Cũng qua hoạt động này; sinh viên và học viên có điều kiện rèn luyện khả năng tư duy sáng tạo, học tập phương pháp luận khoa học, làm quen và biết sử dụng các trang thiết bị hiện đại, hình thành năng lực hoạt động khoa học độc lập.

Trên đây là một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ở Việt Nam. Để có thể thực hiện các giải pháp này, không những cần phải có thời gian, vật chất mà còn cần có cả sự thay đổi trong nhận thức và tư duy về bản chất của hoạt động nghiên cứu khoa học ở các trường đại học.

#### **Tài liệu tham khảo**

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*.

- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*.
- [3] Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 10/12/2014 về việc ban hành “Điều lệ trường đại học”.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*.
- [5] Quốc hội, Luật Giáo dục đại học, Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018, hiệu lực từ ngày 01/7/2019.
- [6] Quốc hội, Luật Khoa học và công nghệ, Luật số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013, hiệu lực từ ngày 01/01/2014.
- [7] Quốc hội, Luật Giáo dục, Luật số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, hiệu lực từ ngày 01/7/2020.

**Ngày nhận bài: 30/11/2022**

**Ngày hoàn thành sửa bài: 25/12/2022**

**Ngày chấp nhận đăng: 28/12/2022**